**TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN**

**TỔ NGỮ VĂN**

 **MÔN NGỮ VĂN, KHỐI 8**

**BÀI 6: TÌNH YÊU TỔ QUỐC**

**I.Tri thức Ngữ văn**

**1**- **Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường** là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường. Thơ thất ngôn bát cú : Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. Thơ thất ngôn tứ tuyệt: mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ.

- Bố cục của một bài thơ *thất ngôn bát cú luật Đường* thường được chia 4 phần: Đề, Thực, Luận Kết. Bố cục trong bài thơ *tứ tuyệt luật Đường* thường được chia bốn phần: Khai, thừa, chuyển, hợp.

- Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt thường được tóm tắt bằng câu: *“ Nhất -tam ngũ bất luận, nhị- tứ -lục phân minh.”*

- Niêm: Sự kết dính về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ luật Đường gọi là niêm.

-Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường cả bài chỉ hiệp theo một vần, vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu thơ chẵn, vần được sử dụng là vần bằng.

- Nhịp: cách ngắt nhịp của câu thơ thất ngôn thường là 2/2/3 hoặc 4/3.

- Đối: cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau.

**VĂN BẢN 1: NAM QUỐC SƠN HÀ**

**II. Trải nghiệm cùng văn bản**

**1. Đọc**

- Giọng điệu hào hùng, khí thế

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả**

- Bài thơ hiện chưa rõ tác giả. Nhiều tài liệu cho rằng của Lý Thường Kiệt

- Theo sách Đại Việt sử kí toàn thư, khi Lý Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang lên trong đền thờ thần Sông là Trương tướng quân. Sau đó quân Tống thảm bại đúng như trong lời bài thơ.

**b. Tác phẩm**

- Bài thơ vốn không có nhan đề. Tên gọi Nam quốc sơn hà do người biên soạn đặt.

- Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt

**III. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Tìm hiểu về bố cục, một số yếu tố thi luật của bài thơ**

**\* Bố cục bài thơ**

- Cách 1:Có thể chia thành 4 phần:

+ Khai (câu 1): Giới thiệu vấn đề chủ quyền với giọng điệu cương quyết.

+ Thừa (câu 2): Bổ sung ý đã nhắc đến ở câu 1 và giữ mạch cảm xúc.

+ Chuyển (câu 3): Chuyển sang vấn đề xâm lược lãnh thổ của quân giặc.

+ Hợp (câu 4): Khẳng địnhh kết cục không tốt đẹp của quân giặc khi xâm lược lãnh thổ của nước Nam.

- Cách 2: Chia thành hai phần.

+ Câu 1,2: Giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định chủ quyền đất nước.

+ Câu 3,4: Cảnh cáo quân xâm lược và khẳng định kết cục không tốt đẹp của chúng.

**\* Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường qua bài thơ**

- Dấu hiệu nhận biết:

+ Số câu trong bài: 4

+ Số chữ trong câu: 7

+ Niêm: chữ thứ hai trong câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai của câu 4 cũng là “ trắc”, chữ thứ hai của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 3 cũng là “bằng”.

+ Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2 và 4 (cư, thư, hư).

+ Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.

🡺 Bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, đối, vần của một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc, vần bằng theo luật Đường.

**2. Tìm hiểu hiểu nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.**

**a. Hai câu thơ đầu**

 *Nam quốc sơn hà Nam đế cư*

 *Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*

- Hai câu đầu giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi của chủ quyền đất nước.

+ Tác giả dùng từ *“Nam quốc”, “Nam đế”* để khẳng định sự chính danh của quốc gia, của bậc đế vương có chủ quyền trên lãnh thổ của mình cũng như nhấn mạnh vị thế dân tộc và sự ngang hàng của vua nước Nam với vua phương Bắc.

+ Việc nói đến *“thiên thư”* sách trời trong câu thơ thứ hai cho thấy tính pháp lý của chủ quyền: chủ quyền đã được ghi rõ quy định rõ bằng văn bản của nhà trời, không phải chuyện người thường muốn thay đổi được và cũng không thể thay đổi được bằng hành vi xâm lược.

- Ngắt nhịp: Câu đầu có thể ngắt nhịp 4/3 hoặc 2/2/3. Cách ngắt nhịp trong câu theo nhịp 4/3: N*am quốc sơn hà / Nam đế cư* hoặc N*am quốc / sơn hà / Nam đế cư* tỏ rõ hai vấn đề quan trọng nhất là sông núi nước Nam và vua nước Nam đi liền với nhau ngay trong câu mở đầu của bài thơ. Đây là cách ngắt nhịp tiêu biểu của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật đường tạo âm điệu chậm rãi, trang nghiêm.

🡺 Hai câu thơ tạo nên sự hô ứng và đều hướng tới khẳng định chủ quyền (quyền cai quản, điều hành) trên phần lãnh thổ của đất nước .

**b. Hai câu sau**

 *Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?*

 *Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

- “nghịch lỗ lai xâm phạm” (kẻ thù lại dám đến xâm phạm): hành vi xâm lược trái mệnh trời

- “Như hà”: cách nóiphản vấn, đặt câu hỏi đã chỉ rõ sự phi lí, phi nghĩa của giặc ngoại bang,

- Cách gọi quân giặc là “nhữ đẳng" (bọn chúng bay, chúng mày,...): bộc lộ thái độ khinh khi, căm thủ không đội trời chung, phân biệt rạch ròi giữa hai chiến luyến ta và kẻ xâm lược.

🡪 Tố cáo dã tâm của giặc đồng thời gián tiếp khẳng định thế đứng và tính chất chính nghĩa của vua tôi nước Nam trong cuộc chiến đấu chống kẻ xâm lược.

+ “thủ bại hư” (nhận lấy sự thất bại tan tành) : Một kết cuộc tất yếu sẽ đến, sẽ xảy ra. Kẻ nuôi tham vọng xâm lược sẽ phải trả giá, gieo gió phải gặt bão, phải chấp nhận chuốc lấy bại vong...

🡪 Câu kết của bài thơ vang lên như một lời cảnh báo, lời hiệu triệu, lời tiên tri khẳng định quân ta nhất định thắng quân giặc nhất định thua.

🡺 Khẳng định tinh thần quyết tâm bảo vệ chủ quyền trước quân xâm lược.

**3. Cảm hứng chủ đạo và đề tài của văn bản**

- **Chủ đề**: Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.

**- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**: là tình cảm yêu nước mãnh liệt lòng tự tôn dân tộc sâu sắc và ý thức về chủ quyền của dân tộc.

**4. Chia sẻ cảm xúc, hiểu biết của bản thân về tác phẩm và truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.**

- Ý kiến của em về quan niệm: Nam quốc sơn hà thường được xem là một “bản tuyên ngôn độc lập” bằng thơ trong văn học Việt Nam và còn được gọi là bài thơ “Thần”.

+ Nam quốc sơn hà là bài thơ đầu tiên khẳng định chủ quyền của đất nước nên nó giống như một “bản tuyên ngôn độc lập” khẳng định chủ quyền của người Việt trên lãnh thổ nước mình.

+ Bên cạnh đó trong cuộc chiến chống lại quân Tống lần thứ hai (1075-1077), tại Đền Xà (thôn Đoài, Tam Giang, Yên Phong), Lý Thường Kiệt đã sai người tâm phúc đọc vang bài thơ để khích lệ tinh thần quân sĩ Đại Việt. Từ đó quân dân hào hùng, sục sôi, chí khí ngút trời, quân giặc hoảng sợ nên được gọi là bài thơ “thần”.

- Dẫn chứng từ lịch sử và văn chương cho thấy tinh thần và ý chí *về* độc lập chủ quyền đã trở thành một truyền thống vẻ vang của dân tộc.

+ Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo: Hịch tướng sĩ là một áng văn chính luận xuất sắc nhằm kêu gọi, khích lệ tinh thần yêu nước, lòng tự tôn, tự trọng và ý chí chống giặc ngoại xâm của các tướng sĩ. Mở đầu bài hịch, Trần Quốc Tuấn nêu những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách. Tiếp theo Ngài tố cáo sự hống hách và tội ác của kẻ thù để khơi dậy lòng căm thù giặc của tướng sĩ. Ngài còn nói lên mối ân tình giữa chủ soái và tướng sĩ đồng thời Ngài phân tích phải trái, đúng sai, định hướng hàng ngũ quân sĩ và khẳng định những hành động nên làm.+ Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi: Đại cáo bình Ngô là bản anh hùng ca bất hủ của dân tộc Việt Nam. Bản cáo này do Lê Lợi giao cho Nguyễn Trãi viết ngay sau khi dẹp xong quân Minh, cuối năm 1427. Bài cáo là phần tổng kết toàn diện cuộc kháng chiến chống xâm lược, trong đó lên án tội ác của quân Minh, kể lại quá trình kháng chiến đầy gian khổ, hi sinh nhưng thắng lợi vẻ vang.

+ Câu chuyện đi sứ của Mạc Đĩnh Chi.

+ Câu chuyện.

**TỔNG KẾT**

**. Khái quát đặc điểm thơ tứ tuyệt**

- Bố cục: 4 phần (Khai – thừa – chuyển – hợp) hoặc 2 phần (câu 1,2 và câu 2,3)

- Luật:

+ Tuân thủ luật bằng trắc thể hiện ở tiếng thứ hai, tư, sáu của câu thơ.

+ Bài thơ làm theo luật trắc (căn cứ tiếng thứ hai của câu 1).

- Niêm: chữ thứ hai trong câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai của câu 4 cũng là “trắc”, chữ thứ hai của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 3 cũng là “bằng”.

- Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2 và 4

- Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.

**VĂN BẢN 2: QUA ĐÈO NGANG**

**(Bà Huyện Thanh Quan)**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**1. Đọc**

- Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm

- Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn

- Câu hỏi suy luận:Cảnh Đèo Ngang trong bốn câu thơ đầu được nhà thơ miêu tả vào khoảng thời gian “xế tà” với khung cảnh thiên nhiên núi đèo bát ngát, tiêu điều, thấp thoáng có sự sống của con người.

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả**

- Tên thật là Nguyễn Thị Hinh

- Bà sống vào thế kỉ 19.

- Là một trong 3 nữ sĩ nổi tiếng của thơ ca Trung đại Việt Nam.

- Thơ bà mang phong cách hoài cổ.

- Tác phẩm tiêu biểu: Thanh Long thành hoài cổ, Chiều hôm nhớ nhà, Qua chùa Trấn Bắc…

**b. Tác phẩm**

- Hoàn cảnh sáng tác: Được sáng tác khi bà đang trên đường vào Huế nhậm chức và dừng chân nghỉ tại đèo Ngang.

- Thể loại: Thơ thất ngôn bát cú luật Đường.

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Tìm hiểu thi luật của thơ thất ngôn bát cú luật Đường.**

- Bố cục bốn phần: đề – thực – luận – kết.

+ Đề (câu 1 – 2): cái nhìn bao quát về cảnh vật vắng vẻ và đìu hiu, thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn bã của tác giả.

+ Thực (câu 3 – 4): miêu tả cuộc sống, con người ở Đèo Ngang.

+ Luận (câu 5 −6): mượn thanh âm và khung cảnh tự nhiên để gửi gắm tâm trạng nhớ nước, thương nhà của tác giả.

+ Kết (câu 7 – 8): thể hiện tình cảnh và tâm sự cô đơn của tác giả

- Thi luật của bài thơ

- Luật: luật trắc vì tiếng thứ hai của câu 1 là tiếng thanh trắc (tới).

+ Niêm: câu 1 niêm với câu 8, câu 2 niêm với câu 3, câu 4 niêm với câu 5, câu 6 niêm với câu 7, câu 8 lại niêm với câu 1.

+ Vần: chỉ hiệp theo một vần là vần bằng, gieo ở cuối câu 1 (tà) và các câu chẵn là 2, 4, 6 và 8 (hoa – nhà – gia – ta).

+ Nhịp: chủ yếu ngắt nhịp 4/3, hai câu 5 và 6 ngắt nhịp 2/2/3. Đây là cách ngắt nhịp tiêu biểu của thơ thất ngôn bát cú Đường luật, tạo âm điệu nhẹ nhàng, sâu lắng.

- Đối: câu thứ ba đối với câu thứ tư, câu thứ năm đối với câu thứ sáu.

Đây là bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng.

**2. Tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.**

**a. Hai câu đề**

 *Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà*

 *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa*

- Từ ngữ: “bóng xế tà” 🡪 là thời điểm kết thúc của một ngày, khi con người thường trở về nhà sau một ngày lao động vất vả, vậy mà nhà thơ lại một mình tại nơi đèo Ngang càng khiến cho nỗi cô đơn trở nên tột cùng.

- Hình ảnh: cỏ cây, đá, lá, hoa 🡪 là hình ảnh ước lệ mang tính biểu tượng.

- Điệp từ: “chen” 🡪 gợi ra sự hoang sơ và sức sống.

=> Khung cảnh hoang vắng nhưng đầy sức sống của thiên nhiên Đèo Ngang.

**b. Hai câu thực**

 *Lom khom dưới núi tiều vài chú*

 *Lác đác bên sông chợ mấy nhà*

- Hình ảnh:

+ Vài chú tiều với dáng đứng lom khom dưới núi.

+ Mấy căn nhà, thưa thớt, lác đác bên sông.

- Từ ngữ: vài, mấy gợi ra sự ít ỏi.

- Biện pháp đảo ngữ: *“Lom khom”, “Lác đác”* nhấn mạnh vào sự nhỏ bé, cô đơn của con người trước thiên nhiên.

🡪 Sự lặng lẽ, đìu hiu của cuộc sống con người, đồng thời cho thấy sự đối lập giữa sự nhỏ bé của con người với sự rộng lớn của thiên nhiên.

🡺 Khung cảnh Đèo Ngang và cuộc sống con người góp phần làm nổi bật tâm trạng cô đơn, lẻ loi của nhân vật trữ tình. Đây chính là thủ pháp “tả cảnh ngụ tình” tiêu biểu của thơ luật Đường.

**c. Hai câu Luận**

 *Nhớ nước đau lòng con quốc quốc*

 *Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

- Biện pháp tu từ

+ Chơi chữ: Tiếng kêu của hai loài chim được liên tưởng đồng âm với hai danh từ “quốc” và “gia” nên thành loài chim “quốc quốc” và “gia gia”.

+ Nhân hóa: con quốc đau lòng nhớ nước, con gia gia mỏi miệng thương nhà.

+ Đảo ngữ “Nhớ nước”, “Thương nhà”

🡪 Hai câu thơ diễn tả tâm trạng nhớ nước, thương nhà của nhân vật trữ tình.

**d. Hai câu kết**

 *Dừng chân đứng lại, trời, non, nước*

- Nhịp thơ câu thứ 7: 4/1/1/1

🡪 thể hiện tâm trạng ngập ngừng, cô đơn, rợn ngợp của tác giả trước thiên nhiên bao la, hùng vĩ.

 *Một mảnh tình riêng ta với ta*

- Từ ngữ đặc sắc: “Mảnh tình”

- Điệp từ: “ta” tạo ra cách diễn đạt độc đáo “ta với ta”

🡪 Tâm trạng cô đơn.

**3. Mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết.**

- Sự vận động của mạch cảm xúc trong bài thơ: Từ nỗi buồn do ngoại cảnh tác động (4 câu thơ đầu) đến tâm trạng nhớ nước, thương nhà (câu thơ 5,6) và cuối cùng là sự cô đơn khi đối diện với chính mình (câu 7,8).

- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: Nỗi buồn bã, cô đơn, nhớ nước, thương nhà của nhà thơ.

TỔNG KẾT

**Khái quát đặc điểm thi luật của thơ thất ngôn bát cú luật Đường**

- Luật

+ Luật bằng trắc: các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ 6 trong mỗi dòng. Trong đó các tiếng thứ hai và thứ sáu cùng thanh điệu.

+ Nếu tiếng thứ hai của câu thơ một là thanh bằng thì bài thơ làm theo luật bằng, tiếng thứ hai của câu thơ một là thanh trắc thì bài thơ làm theo luật trắc.

- Niêm: câu 1 niêm với câu 8, câu 2 niêm với câu 3, câu 4 niêm với câu 5, câu 6 niêm với câu 7, câu 8 lại niêm với câu 1.

+ Vần: chỉ hiệp theo một vần là vần bằng, gieo ở cuối câu 1 và các câu chẵn là 2, 4, 6 và 8

+ Nhịp: chủ yếu ngắt nhịp 4/3 và ngắt nhịp 2/2/3.

- Đối: câu thứ ba đối với câu thứ tư, câu thứ năm đối với câu thứ sáu.